



ĐỀ ÔN TẬP SỐ 2 THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

Môn thi: Sinh vật

(Thời gian làm bài: 90 phút)

- 1/ Một quần thể ngẫu phối cân bằng. xét 1 gen có 2alen trội và lặn. Kiểu gen đồng hợp lặn bằng 0.25 kiểu gen đồng hợp trội. Hỏi tỉ lệ kiểu gen dị hợp
- 1/9
 - 2/9
 - 3/9
 - 4/9
- 2/ Một gen sao mã 5 lần, môi trường cung cấp 3000Nu. Gen đó bị đột biến tổng hợp P đột biến mất 1aa. Hỏi chiều dài gen đột biến
- 5100A
 - 5096.6A
 - 2026.4A
 - 2206.4A
- 3/ Mỗi gen quy định một tính trạng trội lặn hoàn toàn và phân li độc lập. Phép lai nào cho tỉ lệ KH 3:3:1:1
- AaBb x AaBB
 - AaBb x AaBb
 - AaBb x aaBb
 - Aabb x aaBb
- 4/ Một gen quy định một tính trạng trội lặn hoàn toàn. Phép lai nào cho tỉ lệ 1:1:1:1
- AB/ab x ab/ab
 - Ab/aB x Ab/ab
 - Ab/aB x ab/aB
 - Ab/ab x aB/ab
- 5/ Lai phân tích F1 hoa hồng được F2 1hồng:2hồng nhạt: 1trắng
- Tương tác bổ trợ 9đỏ:6hồng:1trắng
 - Tương tác bổ trợ 9đỏ:4hồng:3trắng
 - Tương tác cộng gộp 15đỏ:1trắng
 - Tương tác ác chế 12đỏ:3hồng:1trắng
- 6/ Bố máu AB, mẹ máu O. Sinh một đứa con trai máu AB giống bố, nhưng bố rất buồn vì sao
- Con trai bị đột biến gen do bố
 - Con trai bị đột biến lệch bội tam nhiễm do bố
 - Con trai bị đột biến lệch bội một nhiễm do bố
 - Con trai mắc hội chứng Down do mẹ
- 7/ Ở người KH đầu nhỏ, sút môi, tai thấp và biến dạng là hội chứng
- Down, 3NST 21
 - Tơcnơ, 1NST giới tính
 - Etuôt , 3NST18

D. Patau, 3NST13

8/ Người cổ có tên là:

- A. Đriôpitec
- B. Oxtralopitec
- C. Pitêcantrôp
- D. Nêandectan

9/ Một gen cấu tạo từ các Nu bình thường tái sinh 4 lần trong môi trường các Nu đánh dấu. Trong các gen con tạo ra có bao nhiêu gen chứa Nu bình thường

- A. 2
- B. 4
- C. 6
- D. 8

10/ Ở một loài một tế bào sinh dưỡng nguyên phân 3 lần tạo các tế bào có 120NST. Bộ NST bị đột biến gì ?

- A. 14, đột biến tam nhiễm
- B. 16, đột biến đơn nhiễm
- C. A và B đúng
- D. A và B sai

11/ Ý nghĩa của thường biến là

- A. Những biến đổi có giới hạn
- B. Những biến đổi không di truyền
- C. Giúp sinh vật thích nghi
- D. Xuất hiện đồng loạt và định hướng

12/ Lai xa kết hợp đa bội hóa là hiện tượng

- A. Di lệch bội
- B. Đa bội khác nguồn
- C. Đa bội cùng nguồn
- D. Đa bội lệch

13/ Ở một loài khi tế bào nguyên phân liên tiếp 4 lần, số NST đơn ở thể tế bào cuối cùng là

112. Đây là loài nào ? Bị đột biến gì ?

- A. Ruồi, đột biến thể tam nhiễm
- B. Ruồi giấm, đột biến đơn nhiễm
- C. Ruồi giấm, đột biến thể tam nhiễm
- D. Ruồi, đột biến đơn nhiễm

14/ Ở ruồi giấm khi một tế bào nguyên phân liên tiếp 4 lần bị đột biến tam nhiễm thì môi trường cung cấp bao nhiêu NST.

- A. 135
- B. 144
- C. 112
- D. 160

15/ Xét quần thể F1 0.6AA : 0.4Aa tự thụ phân đến đời F4. Cấu trúc di truyền là

- A. 0.05Aa :0.175AA :0.775aa
- B. 0.775AA :0.175aa :0.05Aa
- C. 0.5Aa :0.175AA :0.775aa
- D. 0.175Aa :0.775AA :0.05aa

16/ Điểm khác biệt hơn hẳn của người đối với vượn người là

- A. Vượn người chỉ có hệ thống tín hiệu số 1
- B. Người chỉ có hệ thống tín hiệu số 2
- C. Người có cả 2 hệ thống tín hiệu
- D. Vật chất di truyền ở cấp phân tử

17/ F1 có kiểu gen AabbDdEeFF tự thụ phấn liên tiếp tạo bao nhiêu kiểu gen đồng hợp

- A. 8
- B. 16
- C. 32
- D. 64

18/ Quả cà độc dược có tất cả bao nhiêu dạng

- A. 10
- B. 11
- C. 12
- D. 13

19/ Trong quần thể cỏ có chuỗi thức ăn nào

- A. Cỏ - Sâu - Gà - Cọp
- B. Cỏ - sâu - Éch nhái - Rắn
- C. Cỏ - Nai - Bò - Sư tử
- D. Không có chuỗi thức ăn

20/ Quan hệ đối địch giữa vật ăn thịt và con mồi trong hệ sinh thái dẫn đến :

- A. Cân bằng sinh thái
- B. Mất cân bằng sinh thái
- C. Khi quần thể vật ăn thịt phát triển thì quần thể con mồi bị tiêu diệt
- D. Quần thể con mồi phát triển quần thể vật ăn thịt phát triển theo

21/ Kết luận rút ra từ kết quả khác nhau giữa lai thuận và lai nghịch :

- A. Nhân tế bào có vai trò quan trọng nhất trong di truyền
- B. Cơ thể mẹ có vai trò lớn trong việc quy định các tính trạng của con
- C. Tế bào chất có vai trò nhất định trong di truyền
- D. Phát hiện được tính trạng đó di truyền do gen nhân hay gen tế bào chất

22/ F1 có 0.5AA :0.5aa ngẫu phối đến đời F5 có cấu trúc là :

- A. 0.25AA :0.5aa :0.25Aa
- B. 0.25aa :0.5AA :0.25Aa
- C. 0.5AA :0.5Aa
- D. 0.25AA :0.25aa :0.5Aa

23/ P có 0.2AA :0.6Aa :0.2aa tự thụ phấn đến đời F3, cấu trúc là :

- A. 0.075Aa :0.4625AA :0.4625aa

- B. 0.4625AA :0.4625Aa :0.07aa
- C. 0.2Aa :0.4AA :0.4aa
- D. 0.3AA :0.4Aa :0.3aa

24/ F1 100% AaBbDdEe tự thụ phấn đến F2, tỉ lệ thể dị hợp này là :

- A. 50%
- B. 25%
- C. 12.5%
- D. 6.25%

25/ Vì sao mô hình VAC được xem là hệ sinh thái

- A. Vì có quần xã và sinh cảnh với các chu trình trao đổi khép kín
- B. Vì gồm nhiều quần thể và sinh cảnh có trao đổi chất
- C. Vì có nhiều chuỗi thức ăn và lưới thức ăn khép kín
- D. Vì sự trao đổi chất và năng lượng hoàn chỉnh

26/ Chuỗi thức ăn nào không đúng

- A. Mùn bã – lươn – người
- B. SV phù du – cá nhỏ - cá lớn
- C. SV phù du – cá voi – người
- D. SV phù du – cá mập – người

27/ Biểu hiện của hội chứng Down

- A. Mắt xếch, ngu đần, vô sinh
- B. Lùn, tử cung không phát triển
- C. Ngu đần, vô sinh
- D. Cao, tay chân dài

28/ Biểu hiện của hội chứng Tócnơ

- A. Mắt xếch, ngu đần, vô sinh
- B. Lùn, tử cung không phát triển
- C. Ngu đần, vô sinh
- D. Cao, tay chân dài

29/ Cơ chế tạo thể đa bội

- A. Một cặp NST không phân li
- B. Thoi vô sắc không hình thành
- C. Giao tử bình thường gặp giao tử bất thường
- D. Cả 3

30/ Cơ chế phát sinh 3n

- A. Nguyên phân, thụ tinh
- B. Nguyên phân, giảm phân
- C. Nguyên phân, giảm phân, thụ tinh
- D. Giảm phân, thụ tinh

31/ Trong phép lai aaBBxAABB do đột biến giảm phân tạo con lai thể tam nhiễm ở cặp dị hợp. KG con lai là :

- A. AaaBB-AAaBB

- B. AaaBB-AABBb
- C. AaaBB-AaBbb
- D. AaaBB-AaaBB

32/ Trong phép lai AAbbxAABB đột biến trong giảm phân tạo con lai thể đơn nhiễm. KG con lai là :

- A. Abb-ABB-ABb
- B. ABB-Abb-Aab
- C. AAB-AAb-ABb
- D. Abb-ABB-AAB

33/ Vai trò của giao phối trong CLTN :

- A. Phát tán đột biến
- B. Trung hòa tính có hại của đột biến
- C. Tạo biến dị tổ hợp
- D. Thay đổi tỷ lệ KG

34/ “Lúa non mấp mé đầu bờ
Nghe tiếng sấm động phất cờ mà lên «
nói lên hiện tượng gì ?

- A. Nhân tố nước rất cần cho lúa
- B. Cố định Nitơ tạo đạm vô cơ
- C. Gây đột biến gen
- D. Tăng năng suất

35/ Gen tự sao 2 lần các gen con sao mã 2 lần tạo ra

- A. 4 mARN
- B. 6 mARN
- C. 8 mARN
- D. 8 gen con

36/ Gen sao mã 2 lần, mỗi mã sao có 5 Riboxom trượt tạo ra

- A. 5P
- B. 7P
- C. 8P
- D. 10P

37/ Trong quá trình giải mã di truyền, Riboxom sẽ :

- A. Trở lại dạng rARN sau khi hoàn thành
- B. Bắt đầu tiếp xúc với mARN mới từ bộ ba UAG
- C. Trượt từ đầu 3' đến 5' trên mARN
- D. Tách thành 2 tiểu phần sau khi hoàn thành

38/ ADN ngoài nhân có cấu trúc tương tự :

- A. Xoắn kép mạch vòng
- B. Mạch kép dạng vòng
- C. Mạch đơn dạng vòng
- D. Xoắn kép dạng chuỗi

- 39/ Nhóm VSV nào không tham gia cố định Nitơ
- A. Pseudomonas
 - B. Anabaena
 - C. Nostoc
 - D. Rhizobium
- 40/ Rừng lá rụng theo mùa và rừng hỗn tạp phân bố ở :
- A. Vùng nhiệt đới xích đạo
 - B. Vùng cận nhiệt đới
 - C. Vùng ôn đới Bắc Bán Cầu
 - D. Vùng Bắc Cực
- 41/ Ví dụ nào thuộc loại đồng quy tính trạng
- A. Ngà voi và sừng tê giác
 - B. Vây cá và vây cá voi
 - C. Cánh dơi và tay khỉ
 - D. Cánh sâu bọ và cánh dơi
- 42/ Hiệu suất sinh thái là :
- A. Tỷ lệ % chuyển hóa năng lượng giữa các bậc dinh dưỡng
 - B. Hiệu số năng lượng chuyển hóa qua các bậc dinh dưỡng
 - C. Sự thất thoát năng lượng qua các bậc dinh dưỡng
 - D. Tổng năng lượng tích lũy qua các bậc dinh dưỡng
- 43/ Lai phân tích ruồi cái xám dài với ruồi đực đen cụt thu được 376 con xám ngắn, 375 con đen dài, 124 con xám dài, 125 con đen ngắn. Tần số HVG :
- A. 10%
 - B. 12,5%
 - C. 25%
 - D. 30%
- 44/ Đề như câu 43. KG ruồi cái :
- A. AB/ab
 - B. Ab/aB
 - C. Ab/ab
 - D. aB/ab
- 45/ Trong tương tác gen kiểu tương tác tạo KH đa dạng nhất là :
- A. 9 :6 :1
 - B. 9 :3 :3 :1
 - C. 15 :1
 - D. 12 :3 :1
- 46/ Cho lai 2 giống gà thuần chủng có nguồn gốc khác nhau nhưng đều lông trắng. F1 đồng loạt lông màu F2 phân li 180 lông màu, 140 lông trắng. KG của P là :
- A. AAbbxaaBB
 - B. AABBXaabb
 - C. AaBbxAaBb
 - D. AABbxaaBb

47/ Lai chuột thuần chủng lông đen với lông trắng được F1 toàn lông đen. Cho F1 lai phân tích được F2 có tỷ lệ 3 trắng 1 đen. KG của P và F1 là :

- A. AAbbxaaBB-AaBb
- B. AABBxaabb-AaBb
- C. AabbxAaBB-AaBb
- D. AaBbxaabb-AaBb

48/ Điểm khác biệt cơ bản giữa tương tác gen với di truyền phân li độc lập là :

- A. Tỷ lệ phân li KH
- B. Tỷ lệ phân li KG
- C. Tạo KH mới
- D. Tạo biến dị tổ hợp

49/ Đề như câu 47. Quy luật di truyền của lông chuột là :

- A. Tương tác bổ trợ 9 : 7
- B. Tương tác át chế 13 : 3
- C. Tương tác cộng gộp 15 : 1
- D. Tương tác bổ trợ 9 : 4 : 3

50/ Bố mẹ đều có da bình thường dị hợp. Có thể sinh con trai bạch tạng với tỉ lệ là :

- A. 25%
- B. 12,5%
- C. 6,25%
- D. 50%

O ĐÁP ÁN (Đề số 02)

Caâu	Ñàp àn	Caâu	Ñàp àn	Caâu	Ñàp àn	Caâu	Ñàp àn	Caâu	Ñàp àn
1	D	11	C	21	D	31	A	41	B
2	C	12	B	22	D	32	C	42	A
3	C	13	B	23	A	33	C	43	C
4	D	14	A	24	D	34	B	44	B
5	C	15	B	25	A	35	C	45	C
6	B	16	C	26	D	36	D	46	A
7	D	17	A	27	A	37	D	47	B
8	C	18	D	28	B	38	B	48	C
9	A	19	D	29	B	39	A	49	A
10	C	20	A	30	D	40	C	50	B

Giáo viên ra đề: LÊ THỊ KIM DUNG
 (Trung tâm đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực ĐH Quốc gia TP.HCM,
 217 Võ Thị Sáu, quận 3)